

Số: 46/2025/QĐST-HNGĐ

Phú Thọ, ngày 21 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 36/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1990;

Bị đơn: Anh Đỗ Việt D, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Đỗ Việt D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Kim T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Đăng K, sinh ngày 17/3/2012 và giao cho anh Đỗ Việt D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Hải N, sinh ngày 14/10/2014 (Hiện cháu K và cháu N đang ở với anh D). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000620 ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Phú Thọ. Trả lại chị Nguyễn Thị Kim T 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 – Phú Thọ;
- UBND xã Yên Dương, huyện Tam Đảo (Nay là xã Đạo Trù, tỉnh Phú Thọ) ĐKKH năm 2010;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Lương Văn Tuấn

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-TA

Yên Lạc, ngày 16 tháng 4 năm 2020

THÔNG BÁO
VỀ PHIÊN HỌP KIỂM TRA VIỆC GIAO NỘP,
TIẾP CẬN, CÔNG KHAI CHỨNG CỨ VÀ HÒA GIẢI

Kính gửi: -Chị Bạch Thị D1, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Anh Phùng Trọng T1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu T, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ vào các điều 205, 206, 207, 208 và 209 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số
03/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020.

Xét thấy vụ án không thuộc trường hợp không được hoà giải hoặc không tiến
hành hoà giải được.

Vì các lẽ trên:

1. Thông báo cho các đương sự có tên nêu trên được biết.

Đúng 13 giờ 30 phút, ngày 23 tháng 4 năm 2020

Có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc

Địa chỉ: Thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

Để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và
hoà giải.

2. Nội dung phiên họp:

a) Kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

b) Nội dung các vấn đề cần hoà giải bao gồm: Hoà giải về quan hệ hôn nhân,
nuôi con chung và những vấn đề liên quan đến việc giải quyết tranh chấp về hôn
nhân và gia đình giữa chị Bạch Thị D1 và anh Phùng Trọng T1.

3. Nếu người được thông báo không có mặt đúng thời gian, địa điểm ghi trong
thông báo này để tham gia phiên họp, Tòa án sẽ tiếp tục giải quyết vụ án theo

quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Thảo

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN
VỀ KIỂM TRA VIỆC GIAO NỘP,
TIẾP CẬN, CÔNG KHAI CHỨNG CỨ**

Hồi 14 giờ 00 phút, ngày 23 tháng 4 năm 2020.

Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bắt đầu tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vụ án dân sự thụ lý số 03/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020.

I. Những người tiến hành tố tụng:

Thẩm phán - Chủ trì phiên họp: Bà Nguyễn Thanh T4.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên họp: Ông Nguyễn Duy Hưng.

II. Những người tham gia phiên họp:

Nguyên đơn: Chị Bạch Thị D1, sinh năm 1991, (có mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi ở hiện nay: Thôn N, xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Anh Phùng Trọng T1, sinh năm 1989, (có mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi đăng ký tạm trú: Khu T, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

PHẦN THỦ TỤC BẮT ĐẦU PHIÊN HỌP

- Thư ký Tòa án báo cáo về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên họp đã được Tòa án thông báo.
- Thẩm phán chủ trì phiên họp kiểm tra lại sự có mặt và căn cước của những người tham gia phiên họp.
- Thẩm phán chủ trì phiên họp phổ biến cho các đương sự về quyền và nghĩa vụ của họ.

KIỂM TRA VIỆC GIAO NỘP, TIẾP CẬN, CÔNG KHAI CHỨNG CỨ

1. Thẩm phán công bố tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm:
 - 01 Trích lục kết hôn, 03 trích lục khai sinh (đều là bản sao);
 - 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 sổ hộ khẩu (đều là bản sao có chứng thực).

2. Ý kiến của các đương sự:

Thẩm phán hỏi nguyên đơn chị Bạch Thị D1.

Hỏi: Chị cho biết yêu cầu và phạm vi khởi kiện của nguyên đơn là gì? Chị có sửa đổi, bổ sung, thay đổi, rút yêu cầu khởi kiện không?

Trả lời: Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Phùng Trọng T1; về con chung: Tôi xin được nuôi cháu Phùng Hải Đ, sinh ngày 16 tháng 8 năm 2018, để anh T1 nuôi dưỡng cháu Phùng Tùng D2, sinh ngày 12 tháng 02 năm 2014 và cháu Phùng Khánh L, sinh ngày 21/7/2015. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; về công nợ, đất canh tác: Không có. Đến nay, tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, không sửa đổi, bổ sung, thay đổi, không rút yêu cầu khởi kiện.

Hỏi: Chị và anh T1 có thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án không?

Trả lời: Tôi và anh T1 thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Hỏi: Chị đã giao nộp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ gì?

Trả lời: Tôi đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ cụ thể như Thẩm phán vừa công bố.

Hỏi: Chị có bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ không?

Trả lời: Tôi không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì.

Hỏi: Chị đã gửi cho anh T1 bản sao đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ như chị đã giao nộp cho Tòa án chưa?

Trả lời: Tôi đã gửi cho anh T1 bản sao đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ như tôi đã giao nộp cho Tòa án.

Hỏi: Chị có yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ, tài liệu, triệu tập thêm đương sự hay người làm chứng hay làm rõ vấn đề gì khác không?

Trả lời: Tôi không yêu cầu gì.

Thẩm phán hỏi bị đơn anh Phùng Trọng T1.

Hỏi: Anh có nghe rõ lời trình bày của chị D1 về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không? Anh có yêu cầu phản tố hay yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác không?

Trả lời: Tôi đã nghe rõ yêu cầu khởi kiện mà chị D1 trình bày. Nay chị D1 xin ly hôn, tôi đồng ý. Tôi không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Hỏi: Anh và chị D1 có thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án không?

Trả lời: Tôi và chị D1 thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Hỏi: Anh xem xét các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án và cho biết các tài liệu, chứng cứ này có đúng không? Anh có ý kiến gì không?

Trả lời: Các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là đúng. Tôi không có ý kiến gì.

Hỏi: Anh có bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ không?

Trả lời: Tôi không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ gì.

Hỏi: Anh có yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ, tài liệu, triệu tập thêm đương sự hay người làm chứng hay làm rõ vấn đề gì khác không?

Trả lời: Tôi không yêu cầu gì.

Hỏi: Chị D1 đã gửi cho anh bản sao đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ như chị D1 đã giao nộp cho Tòa án chưa?

Trả lời: Chị D1 đã gửi cho tôi bản sao đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ như chị D1 đã giao nộp cho Tòa án.

3. Các nội dung khác: Chị D1, anh T1 không có ý kiến bổ sung gì khác.

THẨM PHÁN XEM XÉT CÁC Ý KIẾN, GIẢI QUYẾT CÁC YÊU CẦU CỦA ĐƯƠNG SỰ VÀ QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi đương sự trình bày xong các vấn đề Thẩm phán chủ trì phiên họp đã hỏi, Thẩm phán chủ trì phiên họp chấp nhận yêu cầu của đương sự.

NHỮNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THEO YÊU CẦU CỦA NHỮNG NGƯỜI THAM GIA PHIÊN HỌP:

Các đương sự không sửa đổi, bổ sung gì.

Việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ kết thúc vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 23 tháng 4 năm 2020.

**CÁC ĐƯƠNG SỰ
THAM GIA PHIÊN HỌP**

**THƯ KÝ TÒA ÁN
GHI BIÊN BẢN PHIÊN HỌP**

**THẨM PHÁN
CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP**

Nguyễn Duy Hưng

Nguyễn Thanh Thảo

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN HOÀ GIẢI

Hồi 14 giờ 35 phút, ngày 23 tháng 4 năm 2020.

Tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tiến hành hoà giải để các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 03/2020/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020.

I. Những người tiến hành tổ tụng:

Thẩm phán - Chủ trì phiên họp: Bà Nguyễn Thanh T4.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên họp: Ông Nguyễn Duy H.

II. Những người tham gia phiên họp:

Nguyên đơn: Chị Bạch Thị D1, sinh năm 1991, (có mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi ở hiện nay: Thôn N, xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Anh Phùng Trọng T1, sinh năm 1989, (có mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi đăng ký tạm trú: Khu T, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

PHẦN THỦ TỤC BẮT ĐẦU HOÀ GIẢI

Thẩm phán phổ biến cho các đương sự về các quy định của pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án để đương sự liên hệ đến quyền, nghĩa vụ của mình, phân tích hậu quả pháp lý của việc hoà giải thành để họ tự nguyện thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý KIẾN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƯƠNG SỰ

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D1 và anh T1 xác nhận vợ chồng đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 02 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn, hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, chị D1 về ở và làm ăn chung với gia đình anh T1. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng bình thường. Tháng 7 năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị D1 là do vợ chồng bất đồng quan điểm và anh T1 có quan hệ nam nữ không đúng mực với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau.

Theo anh T1 nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do công việc làm ăn khó khăn nên anh phải đi làm xa nên không có thời gian chăm sóc vợ con dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không quan tâm đến nhau.

Hai bên xác nhận vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và ly thân từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay không dàn xếp gì. Nay chị D1, anh T1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

- Về con chung: Chị D1 và anh T1 xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Phùng Tùng D2, sinh ngày 12 tháng 02 năm 2014, Phùng Khánh L, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2015 và Phùng Hải Đ, sinh ngày 16 tháng 8 năm 2018. Hiện nay cháu D2 và cháu L đang ở với anh T1, cụ thể đang ở tại thôn N, xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; cháu Đ đang ở với chị D1. Ly hôn, hai bên thỏa thuận để chị D1 nuôi dưỡng cháu L và cháu Đ, để anh T1 nuôi cháu D2. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp: Chị D1, anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ, đất canh tác: Chị D1, anh T1 xác nhận không có.

NHỮNG NỘI DUNG ĐÃ ĐƯỢC CÁC ĐƯƠNG SỰ THỐNG NHẤT, KHÔNG THỐNG NHẤT

1. Những nội dung đã được các đương sự thống nhất:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bạch Thị D1 và anh Phùng Trọng T2 tình ly hôn.

- Về con chung: Chị D1 và anh T1 xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Phùng Tùng D2, sinh ngày 12 tháng 02 năm 2014, Phùng Khánh L, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2015 và Phùng Hải Đ, sinh ngày 16 tháng 8 năm 2018. Hiện nay cháu D2 và cháu L đang ở với anh T1, cụ thể đang ở tại thôn N, xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; cháu Đ đang ở với chị D1. Ly hôn, hai bên thỏa thuận để chị D1 nuôi dưỡng cháu L và cháu Đ, để anh T1 nuôi cháu D2. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp: Chị D1, anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ, đất canh tác: Chị D1, anh T1 xác nhận không có.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Hai bên thỏa thuận để chị D1 nộp toàn bộ án phí.

2. Những nội dung các đương sự không thống nhất: Không.

NHỮNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THEO YÊU CẦU CỦA NHỮNG NGƯỜI THAM GIA HÒA GIẢI

Chị D1 không yêu cầu sửa đổi bổ sung gì.

Anh T3 sửa đổi, bổ sung: Mặc dù tôi đăng ký tạm trú tại khu T, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc nhưng tôi thường xuyên ở tại Thôn N, xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Phiên họp kết thúc vào hồi 15 giờ 10 phút, ngày 23 tháng 4 năm 2020.

**CÁC ĐƯƠNG SỰ
THAM GIA PHIÊN HỌP**

**THƯ KÝ TÒA ÁN
GHI BIÊN BẢN PHIÊN HỌP**

**THẨM PHÁN
CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP**

Nguyễn Duy Hưng

Nguyễn Thanh Thảo

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Yên Lạc, ngày 23 tháng 4 năm 2020

**BIÊN BẢN
GHI NHẬN SỰ TỰ NGUYỆN LY HÔN
VÀ HOÀ GIẢI THÀNH**

Căn cứ vào khoản 5 Điều 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 23 tháng 4 năm 2020

Xét thấy các đương sự thật sự tự nguyện ly hôn và đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề có tranh chấp trong vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số 03/2020/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020

Lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành các vấn đề có tranh chấp trong vụ án do các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bạch Thị D1 và anh Phùng Trọng T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị D1 và anh T1 xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Phùng Tùng D2, sinh ngày 12 tháng 02 năm 2014, Phùng Khánh L, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2015 và Phùng Hải Đ, sinh ngày 16 tháng 8 năm 2018. Hiện nay cháu D2 và cháu L đang ở với anh T1, cụ thể đang ở tại thôn N, xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; cháu Đ đang ở với chị D1. Ly hôn, hai bên thoả thuận để chị D1 nuôi dưỡng cháu L và cháu Đ, để anh T1 nuôi cháu D2. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp: Chị D1, anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ, đất canh tác: Chị D1, anh T1 xác nhận không có.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Hai bên thoả thuận để chị D1 nộp toàn bộ án phí.

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, nếu đương sự nào có thay đổi ý kiến về sự thoả thuận trên đây thì phải làm thành văn bản gửi cho Tòa án. Hết thời hạn này, mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận trên thì Tòa án ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự và quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**CÁC ĐƯƠNG SỰ
THAM GIA HÒA GIẢI**

**THƯ KÝ TÒA ÁN
GHI BIÊN BẢN**

**THẨM PHÁN
CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP**

Nguyễn Duy Hưng Nguyễn Thanh T4

Nơi nhận:

- Những người tham gia hòa giải;
- Lưu hồ sơ vụ án.

